| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ DĨ AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Kim Châu Hổ;

2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1161/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1980; thường trú: Số 48/16 khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1976; thường trú: Số 48/16 khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

(Chị Lê Thị D và anh Vũ Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:*

Chị Lê Thị D và anh Vũ Văn T tự nguyện yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố E, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78.2004, quyển số 01, ngày 28/9/2004.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ

chồng không có sự đồng cảm, mỗi người có một cuộc sống riêng, không quan tâm nhau. Mặc dù chị D nhiều lần cố gắng để vợ chồng cùng hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị D yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Lê Thị D và anh Vũ Văn T có hai con chung là Vũ Hoài T1, sinh ngày 27/7/2005 và Vũ Lê Mai D1, sinh ngày 25/5/2009. Sau ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/12/2019, bị đơn anh Vũ Văn T trình bày*:

Anh T và chị D quen nhau được 01 năm, đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại phường D, thành phố E, tỉnh Khánh Hòa cho đến năm 2008 thì vào Bình Dương sinh sống tại địa chỉ số 171/16, tổ 16B2, khu phố Tân Phú, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Còn địa chỉ 48/16 khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương chỉ là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Anh T làm nghề buôn bán nhưng hiện tại đổi qua môi giới bất động sản và dự án, thu nhập không ổn định, trung bình mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng. Chị D buôn bán ở chợ thu nhập 15.000.000 đồng/tháng. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Thời gian gần đây, anh T công tác xa nhiều nơi dẫn đến chị D buồn phiền và cho rằng anh T có người phụ nữ khác bên ngoài. Chị D yêu cầu ly hôn thì anh T không đồng ý vì muốn gia đình ổn định, không ảnh hưởng đến tâm lý các con.

Về con chung: Anh T và chị D có hai con chung là Vũ Hoài T1, sinh ngày 27/7/2005 và Vũ Lê Mai D1, sinh ngày 25/5/2009. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh T đồng ý theo nguyện vọng của các con, nếu cả hai con muốn ở cùng chị D thì anh T cũng đồng ý, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Tại bản tự khai ngày 07/01/2020, cháu Vũ Lê Mai D1 và cháu Vũ Hoài T1 trình bày*: Trong cuộc sống, bố mẹ cháu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nếu sống chung sẽ không có hạnh phúc. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu D1 và cháu T1 muốn được sống với mẹ vì mẹ yêu thương và chăm sóc chu đáo hơn.

*- Ngày 07/01/2020, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Lê Thị D và anh Vũ Văn T tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường B và được cung cấp như sau*: Quá trình chị Lê Thị D và anh Vũ Văn T sinh sống tại địa phương, chính quyền không nhận được đơn thư hay trình báo gì về việc anh, chị có xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Hội Liên hiệp phụ nữ phường B không biết được mâu thuẫn giữa

vợ chồng anh, chị là gì cũng như công việc, thu nhập hay việc nuôi dạy con cái nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị D và bị đơn anh Vũ Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường D, thành phố E, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78.2004, quyển số 01 cấp ngày 28/9/2004 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo nguyên đơn chị D trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do giữa chị D, anh T bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có sự đồng cảm, mỗi người có một cuộc sống riêng, không quan tâm nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh T. Về phía bị đơn anh Vũ Văn T cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, do anh T đi công tác xa nhiều nơi nên dẫn đến chị D nghi ngờ anh T có người phụ nữ khác. Anh T không đồng ý ly hôn với chị D.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Thực tế, anh T thường xuyên đi công tác xa, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng; Tòa án đã triệu tập anh T và chị D tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích giải thích, khuyên chị D, anh T bỏ qua những mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng; tuy nhiên cả anh T và chị D đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, cho thấy hai anh chị không muốn hàn gắn. Đồng thời qua lời khai của các con chung (cháu Vũ Hoài T1, Vũ Lê Mai D1) cũng thể hiện tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị D yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh T có hai con chung là Vũ Hoài T1, sinh ngày 27/7/2005 và Vũ Lê Mai D1, sinh ngày 25/5/2009. Sau ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Anh T thống nhất theo nguyện vọng của các con. Xét thấy, cháu Vũ Hoài T1 và Vũ Lê Mai D1 đang sống với chị D, chị D có công việc thu nhập ổn định và là người gần gũi, chăm sóc các con nhiều hơn; về phía anh T thường xuyên đi công tác xa nên không có nhiều

thời gian để quan tâm, chăm lo cho con. Đồng thời, theo nguyện vọng của cháu Vũ Hoài T1, Vũ Lê Mai D1 muốn được sống với mẹ. Do đó, cần giao con chung Vũ Hoài T1, Vũ Lê Mai D1 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị D không yêu cầu anh Vũ Văn T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải chịu án phí ly hôn, anh Vũ Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị D đối với bị đơn anh Vũ Văn T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn với Vũ Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 78.2004, quyển số 01, ngày 28/9/2004 do Uỷ ban nhân dân phường D, thành phố E, tỉnh Khánh Hòa cấp).

- Về con chung: Anh Vũ Văn T giao hai con chung là Vũ Hoài T1, sinh ngày 27/7/2005 và Vũ Lê Mai D1, sinh ngày 25/5/2009 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn T về việc cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng (tổng cộng 4.000.000 đồng/tháng/02 con). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Vũ Hoài T1, Vũ Lê Mai D1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau ly hôn, anh Vũ Văn T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, chị Lê Thị D không được cản trở anh Vũ Văn T thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029745 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Trang**